

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh\					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Trong đó:				Tổng số (NST)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)		
						Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh				
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ				7.857.133	7.456.187	400.496	4.167.795	359.055	790.340	2.645.478	372.922	3.467.127	359.055	790.340	1.954.810	362.922	335.991	-1.036.659		
A	DANH MỤC BỔ SUNG				460.957	360.957	100.000						166.097		11.134	154.963		166.097			
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				402	402							402		402						
a	Dự án chuẩn bị đầu tư				402	402		-					402		402						
1	Trang bị bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho các trường học trên địa bàn tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	2026 – 2028	số 421/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	177	177		-					177		177			177		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
2	Trường THPT Quốc Thái	Tỉnh An Giang	2026 – 2028	số 1009/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh An Giang	225	225		-					225		225			225		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH				195.607	195.607							60.000			60.000					
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				195.607	195.607							60.000			60.000					
1	Dự án đầu tư Hệ thống chụp mạch máu xóa nền (DSA) cho các bệnh viện tuyến tỉnh	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 632/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	89.715	89.715		-					27.000			27.000		27.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
2	Đầu tư Hệ thống chụp cắt lớp vi tính ≥ 512 lát cắt (CT Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay) cho Bệnh viện đa khoa An Giang	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 627/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	53.025	53.025		-					16.000			16.000		16.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
3	Dự án đầu tư thiết bị y tế cho Trung tâm y tế Châu Phú	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 625/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	5.260	5.260		-					2.000			2.000		2.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
4	Dự án đầu tư hệ thống máy chạy thận nhân tạo cho các cơ sở y tế	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 626/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	34.862	34.862		-					11.000			11.000		11.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
5	Đầu tư thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng An Giang	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 635/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	12.745	12.745		-					4.000			4.000		4.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
III	VĂN HÓA, THÔNG TIN				44.020	44.020							44.020			44.020					
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				44.020	44.020							44.020			44.020					
1	Dự án Xây dựng hệ thống mái che bảo tồn các hồ khảo cổ tại khu di tích Ốc Eo - Ba Thê	xã Ốc Eo, tỉnh An Giang	2025-2027	Số 442/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	44.020	44.020		-					44.020			44.020		44.020		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
IV	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				101.721	101.721							46.000			46.000					
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				101.721	101.721							46.000			46.000					
1	Dự án Xứ lý sạt lở bờ rạch Ông Chương trên Tỉnh lộ 946 thuộc ấp Long Định, xã Long Kiến, tỉnh An Giang	Xã Long Kiến, tỉnh An Giang	2025-2026	số 440/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	23.221	23.221		-					22.500			22.500		22.500		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	Khẩn cấp
2	Dự án Xứ lý sạt lở bờ rạch Ông Chương trên Tỉnh lộ 946 thuộc ấp Long Quới II, xã Long Điền B, tỉnh An Giang (nay là xã Long Điền, tỉnh An Giang)	Xã Long Kiến, tỉnh An Giang	2025-2026	số 441/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 của UBND tỉnh An Giang	18.500	18.500		-					18.500			18.500		18.500		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	Khẩn cấp
3	Trung tâm điều hành hệ thống cấp nước nông thôn	Tỉnh An Giang	2025-2027	số 1323/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh	60.000	60.000		-					5.000			5.000		5.000		Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	
V	Vốn phần bổ theo tiêu chí, định mức giai đoạn 2021-2025 cho các huyện, thành phố (CẤP HUYỆN QUẢN LÝ, PHÂN BỐ)			số điểm theo tiêu chí, định mức phân bổ vốn tại số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh;									10.732		10.732						
1	Huyện Hòn Đất (trước sắp xếp)							-	-	-	-	-	10.732	-	10.732	-	-				
	- NĂM 2025							-	-	-	-	-	10.732	-	10.732	-	-				
	Trong đó:							-					-								

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh\					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú		
				Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Trong đó:				Tổng số (NST)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)				
						Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh						
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
	Đường kênh 200 (ranh TT Hòn Đất-kênh Vàm Răng)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 5809-31/10/2023	6.630	6.630		-					3.177		3.177			3.177		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Đường bờ tây kênh Tà Lúa (QL80 - rạch Giáo Phó)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 5807-31/10/2023	5.908	5.908		-					899		899			899		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Đường chợ Hòn Sóc (tỉnh lộ 969 - nhà Danh Rôm)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 5816-31/10/2023	399	399		-					34		34			34		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Đường bờ đông kênh Zê rô (kênh Quảng Thống-ranh xã Mỹ Phước)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 5812-31/10/2023	4.896	4.896		-					604		604			604		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Đường bờ tây kênh Ba Thê (kênh RGHT-ranh xã Mỹ Hiệp Sơn)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 5813-31/10/2023	9.704	9.704		-					2.411		2.411			2.411		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Cầu kênh 200 (Đường bờ đông kênh Tà Hem)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 5818-31/10/2023	2.840	2.840		-					235		235			235		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Đường kênh Sóc (kênh Tà Lúa - ranh xã Sơn Kiên)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 3341-27/6/2024	2.209	2.209		-					310		310			310		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Cầu kênh Sóc (Đường bờ tây kênh Tà Lúa)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 3834-13/8/2024	2.080	2.080		-					450		450			450		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Đường kênh 2 xã Mỹ Thuận - xã Mỹ Phước (mở rộng đoạn xã Mỹ Phước, làm mới đoạn xã Mỹ Thuận)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 3865-14/8/2024	5.851	5.851		-					593		593			593		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Đường bờ tây kênh Tri Tôn (Từ kênh RGHT-kênh 10 xã Nam Thái Sơn)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 3339-27/6/2024	14.500	14.500		-					2.000		2.000			2.000		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Đường bến xe cũ (QL80-đầu nối đường nội ô trung tâm thương mại thị trấn Hòn Đất)	Hòn Đất	2024-2025	Quyết định số 3896-19/8/2024	911	911		-					19		19			19		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
VI	Vốn từ thu sử dụng đất (phần bỏ 60% cho các huyện, thành phố)				119.207	19.207	100.000	-	-	-	-	-	4.943	-	-	4.943	-						
1	Thành phố Rạch Giá (trước sắp xếp)				119.207	19.207	100.000	-	-	-	-	-	4.943	-	-	4.943	-						
	- NĂM 2025				119.207	19.207	100.000	-	-	-	-	-	4.943	-	-	4.943	-						
	Trong đó:							-					-										
	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ tây kênh Ông Hiến (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá).	Phường Rạch Giá	2023-2025	Quyết định số 2035 ngày 17/8/2022	119.207	19.207	100.000	-					4.943			4.943		4.943		UBND phường Rạch Giá			
B	DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH				7.396.176	7.095.230	300.496	4.167.795	359.055	790.340	2.645.478	372.922	3.301.030	359.055	779.206	1.799.847	362.922	169.894	-1.036.659				
I	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI				55.000	55.000	-	55.000	-	-	55.000	-	49.500	-	-	49.500	-						
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				55.000	55.000	-	55.000	-	-	55.000	-	49.500	-	-	49.500	-						
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khuôn viên trụ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang	phường Rạch Giá	2025-2026	Số 202/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh	55.000	55.000		55.000			55.000		49.500			49.500			-5.500	Công an tỉnh An Giang			
II	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				190.109	186.109	4.000	179.681	21.147	146.534	12.000		172.773	20.547	140.226	12.000							
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				190.109	186.109	4.000	179.681	21.147	146.534	12.000		172.773	20.547	140.226	12.000							
1	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp nghề Châu Đốc	CĐ	2021-2024	2318/QĐ-UBND 01/8/2017; 2163/QĐ-UBND 10/9/2019; 3084/QĐ-UB 27/12/2021	74.150	70.150	4.000	63.813	15.110	44.703	4.000		62.913	15.110	43.803	4.000			-900	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang			
2	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Thạnh Mỹ Tây	CP	2023-2025	289/QĐ-SXD 22/7/2024	3.903	3.903		3.903		3.903			3.522		3.522				-381	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang			
3	Bổ sung trang thiết bị của Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	LX	2023-2025	506/QĐ-SXD ngày 29/10/2024	7.500	7.500		7.500		7.500			6.759		6.759				-741	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang			
4	Cải tạo, sửa chữa công trình Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2024-2026	Số 386/QĐ-UBND ngày 15/02/2025 của UBND tỉnh	6.037	6.037		6.037	6.037		-		5.437	5.437	-	-			-600	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
5	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2021-2024	số 2264/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh;	49.435	49.435		49.432		49.432	-		48.832		48.832	-			-600	Trường Cao đẳng Nghề			
6	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2023-2025	Số 2541/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh	16.853	16.853		16.853		16.853	-		16.253		16.253	-			-600	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh\					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú		
				Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Trong đó:				Tổng số (NST)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)				
						Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh						
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
7	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất	Hòn Đất	2023-2025	Số 3448/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh	18.666	18.666		18.666		10.666	8.000		18.016		10.016	8.000			-650	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
8	Dự án Cải tạo, sửa chữa Ký túc xá sinh viên Kiên Giang tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	2024-2025	Quyết định số: 2993/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	12.977	12.977		12.977		12.977	-		8.777		8.777	-			-4.200	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang			
9	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm trang thiết bị trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trục, thành phố Rạch Giá	Phường Rạch Giá	2025-2026	Số 212 /QĐ-BQL ngày 16/4/2025 của BQLDA ĐTXD-GT	588	588		500		500			2.264		2.264			1.764		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
III	VĂN HÓA, THÔNG TIN				91.532	91.532		11.732	4.000	7.732			9.899	2.500	7.399								
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				91.532	91.532		11.732	4.000	7.732			9.899	2.500	7.399								
1	Sửa chữa Nhà thiếu nhi An Giang		2023-2025	56/QĐ-SXD 29/01/2024	7.732	7.732		7.732		7.732			7.399		7.399				-333	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang			
2	Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Phường Rạch Giá	2022-2025	Số 2762/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND tỉnh	83.800	83.800		4.000	4.000		-		2.500	2.500	-	-			-1.500	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
IV	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN				13.500	13.500		13.500	10.450		3.050		12.100	9.050		3.050							
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				13.500	13.500		13.500	10.450		3.050		12.100	9.050		3.050							
1	Dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình tại Trung tâm phát sóng Hòn Mê của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	Hòn Đất	2024-2025	Số 2804/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh	13.500	13.500		13.500	10.450		3.050		12.100	9.050		3.050			-1.400	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
V	THỂ DỤC, THỂ THAO				414.995	414.995		375.367	2.661		372.706		157.661	2.661		155.000							
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				414.995	414.995		375.367	2.661		372.706		157.661	2.661		155.000							
1	Sân vận động tỉnh An Giang	LX	2023-2026	2249/QĐ-UBND 06/9/2022	414.995	414.995		375.367	2.661		372.706		157.661	2.661	-	155.000			-217.706	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang			
VI	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG				719	719		719	719				300	300									
a	b. Dự án hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025				719	719		719	719				300	300									
1	Đầu tư mới hạ tầng kỹ thuật Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý rác thải Phú Thanh, Phú Tân (200 tấn/ngày)	PT	2025-2027		719	719		719	719				300	300					-419	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang			
VII	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				1.362.698	1.362.698		691.158	72.063	20.990	275.183	322.922	601.523	95.880	16.729	165.992	322.922						
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				1.362.698	1.362.698		691.158	72.063	20.990	275.183	322.922	601.523	95.880	16.729	165.992	322.922						
1	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP.	Tỉnh An Giang	2023-2026	Số 2169/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	164.000	164.000		43.793	3.000		40.793	-	15.150	3.000	-	12.150	-		-28.643	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
2	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Lương.	2019-2025	số 2516/QĐ-UBND. ngày 31/10/2019; số 2281/QĐ-UBND, 13/9/2022; số 2660/QĐ-UBND, 27/10/2022, 3325/QĐ-UBND ngày 21/12/2023; số 1869/QĐ-UBND ngày 24/6/2024; số 1525/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của UBND tỉnh;	313.698	313.698		313.698	69.063		234.390	10.245	172.635	69.063	-	93.327	10.245		-141.063	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
3	Dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2	Đặc khu Phú Quốc	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1627/QĐ-UBND ngày 07/6/2025 của UBND tỉnh	885.000	885.000		333.667		20.990		312.677	413.738	23.817	16.729	60.515	312.677	80.071		Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
VIII	GIAO THÔNG				2.302.966	2.302.966		1.166.678	214.380	606.991	295.307	50.000	1.156.129	185.832	584.990	345.307	40.000						
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				2.299.476	2.299.476		1.166.178	213.880	606.991	295.307	50.000	1.155.129	184.832	584.990	345.307	40.000						
1	Nâng cấp đường tỉnh 949	TB-TT	CBĐT 2020, THDA 2021-2025	1103/QĐ-UBND 26/5/2021; 313/QĐ-UBND 11/3/2025	743.198	743.198		743.198	156.259	586.939			710.300	131.953	578.347				-32.898	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh\					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Trong đó:				Tổng số (NST)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)		
						Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh				
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Đường số 8 và số 15 thuộc Khu quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hồ	LX	CBĐT 2021-2022; THDA 2022-2025	348/QĐ-SXD 05/8/2021; 341/QĐ-SXD 05/9/2022; 16/QĐ-SXD 10/01/2024; 45/QĐ-SXD 20/01/2025	12.278	12.278		12.278	9.601	2.677			4.859	4.859					-7.419	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
3	Đường 286 (Quốc lộ 80 - đê biển)	Hòn Đất	2022-2025	số 5584/QĐ-UBND, 18/11/2022 của UBND huyện Hòn Đất;	84.000	84.000		76.288	47.220	17.375	11.693		65.556	47.220	6.643	11.693			-10.732	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
4	- Dự án kè chống sạt lở khu dân cư và đường vành đai Nam Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	Phường Tô Châu	2023-2027	Số 1125/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND thành phố Hà Tiên	550.000	550.000		282.414	800		281.614		332.414	800	-	331.614		50.000		UBND phường Tô Châu	
5	Dự án Đại lộ APEC	đặc khu Phú Quốc	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP	910.000	910.000		52.000			2.000	50.000	42.000			2.000	40.000		-10.000	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
b	Dự án chuẩn bị đầu tư				3.490	3.490	-	500	500	-	-	-	1.000	1.000	-	-	-				
1	Đầu tư xây dựng công trình đường kênh Vành Đai Rạch Giá	Phường Rạch Giá		Số 1086/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND thành phố Rạch Giá	3.490	3.490		500	500		-		1.000	1.000		-		500		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
IX	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI				18.738	18.738	-	18.738	17.749	989	-	-	28.972	16.168	12.804	-	-				
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				18.738	18.738	-	18.738	17.749	989	-	-	28.972	16.168	12.804	-	-				
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang	LX	2024-2026	149/QĐ-SXD 08/04/20224	9.916	9.916		9.916	9.916				8.568	8.568					-1.348	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
2	dự án Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2024-2025	Số 588/QĐ-UBND ngày 08/3/2025 của UBND tỉnh	7.833	7.833		7.833	7.833				7.600	7.600	-				-233	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
3	dự án ĐTXD Ký túc xá sinh viên	Châu Thành		Số 94/QĐ-QBL ngày 07/3/2025 của BQLDA	989	989		989		989			12.804		12.804			11.815		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
X	XÃ HỘI				217.000	217.000	-	203.951	-	-	203.951	-	186.578	-	-	186.578	-				
a	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				217.000	217.000	-	203.951	-	-	203.951	-	186.578	-	-	186.578	-				
1	Dự án Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2023-2025	Số 15/NQ-HĐND, 11/12/2023; số 01/NQ-HĐND, 15/01/2024; số 05/NQ-HĐND, 16/5/2024 của HĐND thành phố Rạch Giá; số 62/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND thành phố Rạch Giá	177.000	177.000		163.951			163.951		161.578			161.578			-2.373	UBND phường Rạch Giá	
2	Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang, hạng mục: Xây dựng mới nhà ở học viên; nhà công vụ; phá dỡ công trình cũ; nâng cấp, cải tạo các hạng mục phụ trợ	Hòn Đất	2024-2026	Số 3449/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh	40.000	40.000		40.000			40.000		25.000			25.000			-15.000	Công an tỉnh An Giang	
XI	Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững							401			401		-		-	-					
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường							401			401		-						-401	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
XII	Nguồn thu tiền sử dụng đất				957.303	957.303		943.543			943.543		746.043			746.043					
a	2. Thu tiền sử dụng đất				957.303	957.303		943.543			943.543		746.043		-	746.043					
1	Bổ sung Quỹ phát triển đất				957.303	957.303		943.543			943.543		746.043			746.043			-197.500	Chương trình, dự án khác	
XIII	Vốn phân bổ theo tiêu chí, định mức giai đoạn 2021-2025 cho các huyện, thành phố (CẤP HUYỆN QUẢN LÝ, PHÂN BỐ)			số điểm theo tiêu chí, định mức phân bổ vốn tại số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HDND tỉnh;	56.577	56.577		22.990	15.886	7.104			43.175	26.117	17.058						
1	Thành phố Rạch Giá (trước sắp xếp)							3.497	3.497				3.007	3.007							
	- NĂM 2025							3.497	3.497				3.007	3.007							

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh\					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú		
				Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Trong đó:				Tổng số (NST)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)				
						Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh						
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
	Trong đó:							-					-										
	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ Tú Xương đến công Số 1)	Phường Rạch Giá		399; 15/5/2023	26.044	26.044		1.386	1.386				1.067	1.067					-319	UBND phường Rạch Giá			
	Công viên ven Kê Kênh Nhánh (doan từ đường Nguyễn Trung Trực đến đường 3 tháng 2) - Giai đoạn 2	Phường Rạch Giá		393; 24/5/2024	7.200	7.200		1.416	1.416				1.300	1.300					-116	UBND phường Rạch Giá			
	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Phường Rạch Giá		1110; 16/11/2022	14.800	14.800		695	695				640	640					-55	UBND phường Rạch Giá			
2	Thành phố Hà Tiên (trước sắp xếp)							9.350	4.846	4.504			34.801	19.668	15.133								
	- NĂM 2025							9.350	4.846	4.504			34.801	19.668	15.133								
	Trong đó:							-					-										
	Trung tâm hành chính xã Tiên Hải	Phường Hà Tiên		732 23/5/2023	28.500	28.500		4.846	4.846				19.668	19.668				14.822		UBND phường Tô Châu			
	Trường Tiểu học Thuận Yên	Phường Hà Tiên		2611 12/12/2023	23.000	23.000		4.204		4.204			14.283		14.283			10.079		UBND phường Tô Châu			
	Trường Mầm non Thuận Yên	Phường Hà Tiên		2610 12/12/2023	22.000	22.000		300		300			850		850			550		UBND phường Tô Châu			
3	Huyện Kiên Lương (trước sắp xếp)				56.577	56.577		10.143	7.543	2.600			5.367	3.442	1.925								
	- NĂM 2025				56.577	56.577		10.143	7.543	2.600			5.367	3.442	1.925								
	<i>Trong đó:</i>							-					-										
	Đường Núi Nai (từ KDC Hoà Lập đến giáp đường Bê tông Núi Nai)	Kiên Lương		1229 07/6/23	2.338	2.338		88	88				-						-88	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Đường tổ 8 ấp Tà Săng	Kiên Lương		2865, 29/8/24	2.500	2.500		1.020	1.020				440	440					-580	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Tuyến ống cấp nước sinh hoạt đường Tám Thước	Kiên Lương		2191, 15/7/24	9.842	9.842		1.000	1.000				674	674					-326	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Trường Tiểu học thị trấn Kiên Lương 3 (GD2)	Kiên Lương		1472 27/3/24	14.885	14.885		1.679	1.679				179	179					-1.500	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - GDTX huyện	Kiên Lương		2817, 27/8/24	7.600	7.600		2.600	2.600				1.233	1.233					-1.367	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Trường Mầm non Bình An - Điểm Ba Núi	Kiên Lương		2739 16/8/24	3.347	3.347		490	490				350	350					-140	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Trường Tiểu học Bình An - Điểm Hòn Trẹm	Kiên Lương		2795 23/8/24	2.166	2.166		666	666				566	566					-100	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Sửa chữa phòng học xuống cấp 2023-2025	Kiên Lương		1676 24/7/23	8.430	8.430		180		180			105		105				-75	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
	Trường Mầm non thị trấn Kiên Lương - Điểm chính (GD 2)	Kiên Lương		5670 24/12/24	5.469	5.469		2.420		2.420			1.820		1.820				-600	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
XIV	Vốn từ thu sử dụng đất (phần bổ 60% cho các huyện, thành phố)				1.715.039	1.418.093	296.496	484.337	-	-	484.337	-	136.377	-	-	136.377	-						
1	Thành phố Rạch Giá (trước sắp xếp)				1.715.039	1.418.093	296.496	142.147	-	-	142.147	-	71.059	-	-	71.059	-						
	- NĂM 2025				1.715.039	1.418.093	296.496	142.147	-	-	142.147	-	71.059	-	-	71.059	-						
	Trong đó:							-					-										
	Lắp đặt chốt đèn giao thông TPRG (giai đoạn 2)	Phường Rạch Giá	2024-2025	1210; 04/12/2023	2.500	2.500		501			501		486			486			-15	UBND phường Rạch Giá			
	Đường Sư Vạn Hạnh	Phường Rạch Giá	2024-2025	1209; 04/12/2023	6.200	6.200		3.682			3.682		3.596			3.596			-86	UBND phường Rạch Giá			
	Công viên C22 đường Lê Văn Hưu	Phường Rạch Giá	2024	1423; 30/10/2019	5.064	5.064		3.539			3.539		3.492			3.492			-47	UBND phường Rạch Giá			
	Trường tiểu học Nguyễn Thái Bình	Phường Rạch Giá	2024-2025	1204; 04/12/2023	6.000	6.000		3.302			3.302		3.339			3.339		37		UBND phường Rạch Giá			
	Trường THCS Chu Văn An	Phường Rạch Giá	2024-2025	2017; 16/12/2022	11.000	11.000		2.190			2.190		2.173			2.173			-17	UBND phường Rạch Giá			
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Phường Rạch Giá	2024-2025	1203; 04/12/2023	4.000	4.000		1.900			1.900		2.136			2.136		236		UBND phường Rạch Giá			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh\					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú		
				Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Trong đó:				Tổng số (NST)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)				
						Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh						
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
	Đầu tư XD công trình tuyến đường đê biển đoạn qua TPRG, tỉnh KG.	Phường Rạch Giá	2020-2025	1095; 14/05/2019	428.111	131.165	296.496	10.000			10.000		-						-10.000	UBND phường Rạch Giá			
	Hệ thống cấp điện ngầm và lát vỉa hè Tuyến đường đê biển (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến cống số 1)	Phường Rạch Giá	2023-2024	325; 18/5/2022	40.000	40.000		1.000			1.000		-						-1.000	UBND phường Rạch Giá			
	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển)	Phường Rạch Giá	2023-2024	1340;29/12/2023	14.999	14.999		10.000			10.000		-						-10.000	UBND phường Rạch Giá			
	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển)	Phường Rạch Giá	2024	1339;29/12/2023	14.945	14.945		10.000			10.000		-						-10.000	UBND phường Rạch Giá			
	Hệ thống cấp điện ngầm và lát vỉa hè Tuyến đường đê biển (đoạn từ cống số 1 đến đường Nguyễn Thái Bình)	Phường Rạch Giá	2024-2025	1341;29/12/2023	40.000	40.000		10.000			10.000		-						-10.000	UBND phường Rạch Giá			
	Đường Đông Hồ (đoạn từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Phạm Ngọc Thạch)	Phường Rạch Giá	2022-2025	1216; 05/12/23	14.306	14.306		4.000			4.000		-						-4.000	UBND phường Rạch Giá			
	Nâng cấp hẻm trên địa bàn thành phố	Phường Rạch Giá			4.000	4.000		4.000			4.000		2.000			2.000			-2.000	UBND phường Rạch Giá			
	Công viên F21, đường Lê Chân, phường Vĩnh Lạc	Phường Rạch Giá		43403,00	1.709	1.709		55			55		37			37			-18	UBND phường Rạch Giá			
	Khu tái định cư Nam An Hoà (giai đoạn 3)	Phường Rạch Giá	2022-2024	11; 26/02/2025	315.000	315.000		14.978			14.978		1.000			1.000			-13.978	UBND phường Rạch Giá			
	Khu tái định cư khu phố Vĩnh Viễn	Phường Rạch Giá		31; 20/11/2024				1.500			1.500		-						-1.500	UBND phường Rạch Giá			
	Khu tái định cư khu phố Phi Kinh	Phường Rạch Giá		30; 20/11/2024	557.000	557.000		1.500			1.500		-						-1.500	UBND phường Rạch Giá			
	Bồi thường chi phí đầu tư HTKT 64 nền TĐC tại chỗ thuộc dự án KDC Nam An Hoà, phường An Hoà	Phường Rạch Giá		53; 2/07/2024	66.591	66.591		30.000			30.000		25.800			25.800			-4.200	UBND phường Rạch Giá			
	Bồi thường chi phí Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư lấn biển Tây Bắc, P.Vĩnh Quang	Phường Rạch Giá	2023-2025	945; 24/12/2021	183.614	183.614		30.000			30.000		27.000			27.000			-3.000	UBND phường Rạch Giá			
2	2. Thành phố Hà Tiên (trước sắp xếp)							340.755	-	-	340.755	-	65.318	-	-	65.318	-						
	- NĂM 2025							340.755	-	-	340.755	-	65.318	-	-	65.318	-						
	<i>Trong đó:</i>							-					-										
	PHƯỜNG HÀ TIỀN							-					-										
	Đầu tư hệ thống camera giám sát đầm Đông Hồ	Phường Hà Tiên						300			300		-						-300	UBND phường Hà Tiên			
	Đường số 1 - phường Pháo Đài	Phường Hà Tiên			15.000	15.000		100			100		-						-100	UBND phường Hà Tiên			
	Đường Nhánh 2	Phường Hà Tiên			8.000	8.000		100			100		-						-100	UBND phường Hà Tiên			
	CSHT vịnh Mũi Nai (kê đá + SLMB).	Phường Hà Tiên		1544a 14/10/2019	14.992	14.992		560			560		556			556			-4	UBND phường Hà Tiên			
	Mở rộng bãi tắm vịnh Mũi Nai	Phường Hà Tiên		7853 30/12/2022	15.000	15.000		2.417			2.417		2.295			2.295			-122	UBND phường Hà Tiên			
	Đường Chi Lăng	Phường Hà Tiên		1672 28/10/2019	13.000	13.000		10.600			10.600		10.500			10.500			-100	UBND phường Hà Tiên			
	Đường Mạc Cửu	Phường Hà Tiên		2166 12/12/2019	13.000	13.000		9.600			9.600		9.500			9.500			-100	UBND phường Hà Tiên			
	Hệ thống camera giám sát an ninh qua mạng	Phường Hà Tiên		943a 30/7/2019	15.000	15.000		5.780			5.780		-						-5.780	UBND phường Hà Tiên			
	ĐTXDCSHT khu du lịch Mũi Nai và khu du lịch Thạch Động TXHT	Phường Hà Tiên		3014 01/12/2022	89.494	89.494		290			290		260			260			-30	UBND phường Hà Tiên			
	Dự án ĐTXD công trình Đường nhánh vào Đồn Biên phòng Hà Tiên (từ chốt gác quốc phòng Mương Đào đến trạm kiểm soát biên phòng Vàm Hàng thuộc đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)	Phường Hà Tiên		1073 19/5/2014	30.759	30.759		4.693			4.693		-						-4.693	UBND phường Hà Tiên			
	Trường trung học cơ sở Đông Hồ. Xây mới 16 phòng học, nhà vệ sinh, hệ thoát thoát nước	Phường Hà Tiên		1201a 10/7/2020	12.284	12.284		950			950		-						-950	UBND phường Hà Tiên			
	- Đường Phạm Văn Kỳ - Võ Văn Ý	Phường Hà Tiên		701 04/6/2019	13.935	13.935		9.581			9.581		9.457			9.457			-124	UBND phường Hà Tiên			
	- Đường Lam Sơn - Lâm Văn Quang	Phường Hà Tiên		349a 08/4/2019	10.953	10.953		6.960			6.960		6.910			6.910			-50	UBND phường Hà Tiên			
	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Phúc Chu (Quốc lộ 80) đoạn từ Km206 + 980 đến Km211 + 218,9)	Phường Hà Tiên		891 30/6/2023	315.000	315.000		31.375			31.375		-						-31.375	UBND phường Hà Tiên			
	Đường Tỉnh lộ 28 (đoạn từ cầu Ao Sen đến đường Võ Văn Ý)	Phường Hà Tiên		1669 28/10/2019	14.000	14.000		5.000			5.000		2.000			2.000			-3.000	UBND phường Hà Tiên			
	Trường mầm non Pháo Đài (XL + TB)	Phường Hà Tiên		1326 24/8/2023	19.000	19.000		10.670			10.670		634			634			-10.036	UBND phường Hà Tiên			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh\					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú		
				Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Trong đó:				Tổng số (NST)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)				
						Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh						
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
	Trường THCS Bình San giai đoạn 2	Phường Hà Tiên		3688 22/8/2024	13.650	13.650		7.000			7.000		-						-7.000	UBND phường Hà Tiên			
	Đường cấp kênh Rạch Ụ	Phường Hà Tiên		1666 28/10/2019	15.000	15.000		14.550			14.550		-						-14.550	UBND phường Hà Tiên			
	Đường Bãi Nò (GD3)	Phường Hà Tiên		704 22/4/2020	15.000	15.000		13.900			13.900		-						-13.900	UBND phường Hà Tiên			
	Đường số 1 - Phường Pháo Đài	Phường Hà Tiên						14.000			14.000		-						-14.000	UBND phường Hà Tiên			
	Kè chống sạt lở Bãi Bàng (giai đoạn 2)	Phường Hà Tiên		615a 06/4/2020	15.000	15.000		14.400			14.400		-						-14.400	UBND phường Hà Tiên			
	Ngầm hóa hệ thống kỹ thuật điện đường Nguyễn Phúc Chu (Quốc lộ 80) đoạn từ Km 206+980 đến Km 211+218,9	Phường Hà Tiên		962a 15/6/2020	80.000	80.000		65.200			65.200		-						-65.200	UBND phường Hà Tiên			
	Đường Tả Lu	Phường Hà Tiên			10.000	10.000		4.520			4.520		-						-4.520	UBND phường Hà Tiên			
	Tổ 6 khu phố 1 - phường Tô Châu (Bồi hoàn)	Phường Hà Tiên		2945 31/12/2020	23.793	23.793		7.772			7.772		7.200			7.200			-572	UBND phường Hà Tiên			
	Di dời các hộ dân ven biển xã Tiên Hải	Phường Hà Tiên		1219 17/7/2020	19.979	19.979		861			861		-						-861	UBND phường Hà Tiên			
	Đường cấp Kênh Dồn Tả (bồi hoàn)- Đường P.Pháo Đài	Phường Hà Tiên		68 15/01/2020	20.152	20.152		9.324			9.324		-						-9.324	UBND phường Hà Tiên			
	Khu DC và TDC Rạch Ụ (bồi hoàn)	Phường Hà Tiên		1997 15/12/2014	6.750	6.750		1.800			1.800		601			601			-1.199	UBND phường Hà Tiên			
	Phương án hỗ trợ chi phí đầu tư về đất đai, vật kiến trúc và hoa màu cho các hộ dân theo Thông báo số 1353-TB/TU ngày 05/5/2015 của Thị Ủy Hà Tiên	Phường Hà Tiên		394 04/4/2018	770	770		770			770		-						-770	UBND phường Hà Tiên			
	Khu chăn nuôi tập chung	Phường Hà Tiên		1088 30/6/2014	1.440	1.440		690			690		-						-690	UBND phường Hà Tiên			
	Mở rộng bãi biển Thuận Yên (giai đoạn 3)	Phường Hà Tiên		2637a; 27/11/2020	13.110	13.110		820			820		780			780			-40	UBND phường Hà Tiên			
	Mở rộng bãi biển Thuận Yên (giai đoạn 4)	Phường Hà Tiên		3171 14/9/2022	15.000	15.000		4.146			4.146		1.380			1.380			-2.766	UBND phường Hà Tiên			
	Kè mở rộng bãi biển Dinh Bà - xã Tiên Hải	Phường Hà Tiên		1352a; 12/9/2019	14.584	14.584		1.302			1.302		-						-1.302	UBND phường Hà Tiên			
	Đường 30/4	Phường Hà Tiên		1259a 18/10/2017	10.000	10.000		2.100			2.100		1.750			1.750			-350	UBND phường Hà Tiên			
	Đường Trần Công Ấn	Phường Hà Tiên		1256a 18/10/2017	2.000	2.000		656			656		195			195			-461	UBND phường Hà Tiên			
	Đường nhánh 1 (nối QL80 với đường trục chính ven biển vào thành phố)	Phường Hà Tiên		2132a 15/10/2020	15.000	15.000		1.180			1.180		430			430			-750	UBND phường Hà Tiên			
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Quốc lộ 80 (đoạn từ Núi Nhọn đến QL N1)	Phường Hà Tiên		1846 11/11/2019	15.000	15.000		2.001			2.001		1.420			1.420			-581	UBND phường Hà Tiên			
	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 80 (từ km203+055 - km204+455) giai đoạn 2	Phường Hà Tiên		1767 31/10/2019	15.000	15.000		550			550		540			540			-10	UBND phường Hà Tiên			
	Kè đá bãi bắc đảo Hòn Tre	Phường Hà Tiên		323 15/3/2023	10.000	10.000		4.340			4.340		4.200			4.200			-140	UBND phường Hà Tiên			
	Hệ thống cấp nước xã, phường năm 2020 (giai đoạn 2)	Phường Hà Tiên		1688b 28/10/2019	1.165	1.165		550			550		-						-550	UBND phường Hà Tiên			
	PHƯỜNG TÔ CHÂU							-					-										
	Hém tổ 2 khu phố III phường Tô Châu	Phường Tô Châu		111a 04/12/2018	400	400		190			190		210			210		20		UBND phường Tô Châu			
	Đường vào cụm công nghiệp Hà Giang (Đường Xoa Áo (đường GTNT vào khu công nghiệp Hà Giang))	Phường Tô Châu		1746 30/10/2014				300			300		-						-300	UBND phường Tô Châu			
	Hệ thống xử lý nước thải xã đảo Tiên Hải	Phường Tô Châu		2483a 6/11/2020	14.999	14.999		4.713			4.713		4.500			4.500			-213	UBND phường Tô Châu			
	Công viên lô 4B phường Tô Châu	Phường Tô Châu		1780a 31/10/2019	34.000	34.000		32.500			32.500		-						-32.500	UBND phường Tô Châu			
	Công viên lô 4B phường Tô Châu	Phường Tô Châu		1948 30/9/2020	34.386	34.386		29.480			29.480		-						-29.480	UBND phường Tô Châu			
	Công viên lô 4B phường Tô Châu	Phường Tô Châu		1948 30/9/2020	34.386	34.386		2.164			2.164		-						-2.164	UBND phường Tô Châu			
3	4. Huyện Kiên Lương (trước sắp xếp)							500	-	-	500	-	-	-	-	-	-						
	- NĂM 2025							500	-	-	500	-	-	-	-	-	-						
	Trong đó:							-					-										
	Đường tổ 38, khu phố Cư Xá (cấp sân bóng Nam Anh)	Kiên Lương	24-26	2794 23/8/24	1.046	1.046		500			500		-						-500	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông			
4	7. Huyện Tân Hiệp (trước sắp xếp)							935	-	-	935	-	-	-	-	-	-						

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh\					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Trong đó:				Tổng số (NST)	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)		
						Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh				
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	- NĂM 2025							935	-	-	935	-	-	-	-	-	-				
	Trong đó:							-					-								
	NV Thu sử dụng đất (Dự án chưa phân bổ)	Tân Hiệp						935			935		-						-935	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	